|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN THANH OAI**TRƯỜNG TIỂU HỌC LIÊN CHÂU**  Số: 175/KH- THLC  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do- Hạnh phúc***Thanh Oai, ngày 05 tháng 9 năm 2023* |

 **KẾ HOẠCH**

**THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023 - 2024**

Căn cứ Quyết định số 4354/QĐ- UBND ngày 31/8/2023 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

 Thực hiện công văn hướng dẫn số: 3195/SGDĐT-GDTH ngày 31/8/2023 của Sở GDĐT Hà Nội về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2023- 2024;

Thực hiện kế hoạch số 612/KH-PGDĐT ngày 01/9/2023 của Phòng giáo dục và Đào tạo Thanh Oai về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2023- 2024.

 Trường Tiểu học Liên Châu xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 với các nội dung như sau:

 **A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

 **I. CÁN BỘ, GIÁO VIÊN**

 **Trường có tổng số 35 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó có 24 đồng chí là nữ, 2 đồng chí cán bộ quản lý (nữ: 2), 26 giáo viên (nữ: 19), 7 nhân viên (nữ: 3); Trình độ đại học: 26, cao đẳng: 5, trung cấp: 2, THPT: 1, THCS: 1**

 II. **HỌC SINH:**

 Trường có tổng số 645 học sinh, chia thành 18 lớp. Khối 1: 3 lớp với 127 học sinh, khối 2: 4 lớp với 117 học sinh, khối 3: 4 lớp với 129 học sinh, khối 4: 4 lớp với 140 học sinh, khối 5: 3 lớp với 132 học sinh.

 **III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:**

 **Trường có tổng diện tích 18393 m2, có 2 điểm trường đặt tại 2 thôn Từ Châu và Châu Mai của xã Liên Châu. Năm 2023, trường đang được cải tạo, xây dựng tại 2 khu với các hạng mục công trình theo lộ trình chuẩn Quốc gia mức độ 2. Trang thiết bị được đầu tư khá đầy đủ với 18 ti vi cho 18 phòng học, 320 bộ bàn ghế đảm bảo quy chuẩn. Tuy nhiên, một số ti vi do mua sắm từ lâu thường xuyên hỏng hóc, phải sửa chữa.**

**B. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:**

**I. THUẬN LỢI:**

Trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Phòng GDĐT Thanh Oai, cùng sự quan tâm của Đảng uỷ, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể, ban đại diện CMHS. Trường có truyền thống đoàn kết - dân chủ. Năm học 2022 - 2023 là năm thứ 11, trường tiếp tục đạt Tập thể Lao động tiên tiến và là năm đầu tiên trường vinh dự được UBND thành phố khen tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, yêu nghề, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, hưởng ứng sôi nổi các phong trào thi đua của trường, của ngành, của Đảng và nhà nước. Cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học trong thời điểm hiện tại.

**II. KHÓ KHĂN:**

Trường có 2 điểm trường cách xa nhau 2 km nên ảnh hưởng đến công tác quản lý và việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Trường đang trong giai đoạn cải tạo xây dựng nên nhà trường sắp xếp học sinh khu B sang học tạm tại các phòng bộ môn ở khu A một thời gian trong khi chờ đợi công trình hoàn thành. Đội ngũ giáo viên thiếu nhiều, kĩ năng ứng dụng CNTT của một số giáo viên còn hạn chế. Cán bộ, giáo viên, nhân viên chủ yếu ở địa phương khác cách xa trường nên thời gian tham gia một số hoạt động ngoại khóa ở trường có phần bị hạn chế. Một số phụ huynh chưa thật sự quan tâm đến việc học của con. Một số gia đình học sinh chưa tích cực tham gia bảo hiểm y tế cho học sinh.

 **C. NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT VÀ TỒN TẠI CƠ BẢN CẦN KHẮC PHỤC.**

**I. NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT CẦN PHÁT HUY**

***1.1. Tập thể:***

Trường đạt Tập thể Lao động xuất sắc

Liên đội mạnh cấp huyện

Trường học đạt trường học an toàn, thân thiện

***1.2. Giáo viên:***

01 nhân viên được UBND thành phố khen thưởng Người tốt việc tốt.

01 giáo viên – TPT đội đạt GV – TPT đội giỏi cấp thành phố, có SKKN đạt cấp TP.

04 cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 29 cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt LĐTT

Thi giáo viên giỏi cấp huyện đạt 2 giải nhì; thi TDTT đạt 3 giải nhì, 4 giải ba; thi bài giảng Elearning đạt 2 giải ba; bài viết gương Người tốt việc tốt đạt 1 giải nhì, 1 giải khuyến khích, 01 giáo viên đạt giải khuyến khích trong cuộc thi viết về làng nghề Thanh Oai; 14 sáng kiến kinh nghiệm đạt cấp huyện.

***1.3. Học sinh:***

Hs giỏi cấp trường: 344, trong đó: Nhất: 24, nhì: 33, ba: 46, KK: 241. Hs giỏi cấp huyện: 204 em, trong đó: Giải nhất: 8; nhì: 38; ba: 35; KK: 123**2.**

**II. NHỮNG TỒN TẠI CẦN KHẮC PHỤC:**

1. Một số giáo viên ứng dụng CNTT còn hạn chế, chưa kịp thời đổi mới phương pháp dạy học đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

2. Công tác tham gia BHYT của học sinh còn chậm, số học sinh chưa hoàn thành vẫn còn ở một số lớp, số học sinh giữ gìn sách vở chưa sạch đẹp còn nhiều.

**D. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023-2024**

 **I. NHIỆM VỤ CHUNG:**

**1**. Chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 bảo đảm an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn địa phương.

**2.** Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp4 và Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (Chương trình giáo dục phổ thông 2006) đối với lớp 5. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục, chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của Ngành.

**3.** Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để giáo viên bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

**4.** Mua sắm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

**5.** Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; coi trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền, công tác chuyển đổi số; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

**II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ:**

**1. Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn trường học:**

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học, đôn đốc lao công thực hiện tốt công tác vệ sinh khuôn viên trường. Xây dựng và thực hiện các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý, thường xuyên tuyên truyền phòng chống dịch bệnh theo mùa. Xây dựng phương án tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh đề phòng trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại địa phương, nhà trường.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tai nạn thương tích cho học sinh thông qua các giờ dạy đạo đức, các giờ hoạt động tập thể, giờ chào cờ đầu tuần, giờ sinh hoạt lớp.

Duy trì mô hình cổng trường an toàn, mô hình tự quản, tự chăm sóc công trình măng non hàng ngày tại 18 lớp, mô hình đội sao đỏ chấm vệ sinh môi trường hàng ngày, cuối tuần tổng kết, biểu dương lớp làm tốt, nhắc nhở, trừ điểm thi đua lớp làm chưa tốt.

Phối hợp công an xã, cơ quan tư pháp xã tuyên truyền giáo dục phát luật cho học sinh, giám sát việc chấp hành ATGT của giáo viên, học sinh trước và sau giờ học.

**2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục:**

*a) Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4*

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành, cụ thể:

Đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp, đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu, đủ giáo viên dạy đủ các môn học/hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo quy định.

Thực hiện dạy học cácmôn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

*b) Đối với lớp 5*

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2006, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Thực hiện sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh; tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục, mọi hoạt động diễn ra nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

Tổ chức dạy học cho học sinh lớp 5 để học sinh được chuẩn bị học lớp 6 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trong quá trình tổ chức thực hiện, cần chú trọng rèn luyện các kỹ năng và tạo tâm thế cho học sinh lớp 5 sẵn sàng học lớp 6.

**3. Tổ chức dạy ngoại ngữ, Tin học theo chương trình cấp Tiểu học và giáo dục kỹ năng công dân số:**

*a) Tổ chức dạy học các môn Ngoại Ngữ 1*

*- Đối với lớp 3 và lớp 4*: thực hiện dạy học môn Ngoại ngữ 1 bắt buộc 4 tiết/ tuần với môn Tiếng Anh với bộ sách Wonderful

*- Đối với lớp 1 và lớp 2*: tiếp tục triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với 2 tiết/ tuần.

*- Đối với lớp 5:* tiếp tục triển khai Chương trình tiếng Anh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006, sử dụng sách giáo khoa, tài liệu dạy học theo quy định của Bộ GDĐT 2 tiết/ tuần.

Thực hiện xã hội hóa theo tinh thần tự nguyện trong dạy học ngoại ngữ để tăng cường thời lượng học, liên kết với trung tâm Tiếng Anh E3 được PGD Thanh Oai phê duyệt để nâng cao chất lượng môn Tiếng Anh với 2 tiết làm quen đối với môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1,2; 1 tiết bổ trợ đối với lớp 3,4,5.

Khuyến khích giáo viên, học sinh học ngoại ngữ qua truyền hình, các phương tiện truyền thông, các nguồn học liệu phù hợp khác. Đẩy mạnh thực hành ngoại ngữ qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, hoạt động tạo môi trường ngoại ngữ ngoài lớp học, các sân chơi, giao lưu cho học sinh.

*b) Tổ chức dạy học môn Tin học*

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

*c) Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học*

Thực hiện đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học/hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

**4. Tổ chức thực hiện nội dung giáo dục “Địa phương em” và tổ chức dạy học nội dung này theo chương trình giáo dục phổ thông 2018**

*a) Dạy học nội dung giáo dục “Địa phương em”*

Thực hiện dạy học nội dung giáo dục “Địa phương em” và tổ chức đánh giá học sinh như các nội dung khác trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4.

 *b) Tổ chức dạy học giáo dục địa phương*

Triển khai thực hiện Tài liệu giáo dục địa phương đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 đã được phê duyệt. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương với lớp 4 theo chỉ đạo của SGD&ĐT, thời điểm vào các tiết HDH.

Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT.

**5. Tổ chức dạy học giáo dục Stem:**

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục; thực hiện giáo dục STEM tích hợp trong các môn học, tiết học bảo đảm chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, tăng cường sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website https://stemtieuhoc.edu.vn và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định.

**6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá.**

***6.1.Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học***

Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Tiếp tục áp dụng dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột; dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới; đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học; dạy học tích hợp các nội dung giáo dục với các hình thức tổ chức phù hợp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; trong đó quan tâm đến nội dung lồng ghép giáo dục quốc phòng an ninh; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học, tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.

***6.2. Phương pháp và hình thức đánh giá***

 Đối với học sinh lớp 5 tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT[[1]](#footnote-1). Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 của Bộ GDĐT.

**7. Tổ chức dạy 2 buổi/ngày, bán trú và giáo dục ngoài giờ lên lớp**

***7.1. Tổ chức dạy học 02 buổi /ngày:***

Xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu phải được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học. Mỗi ngày không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút. Các môn học bổ trợ cần được sắp xếp khoa học, phù hợp với đối tượng học sinh vào buổi học thứ hai.

***7. 2. Kế hoạch tổ chức bán trú:***

Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bántrú, phổ biến tới cha mẹ học sinh; lấy phiếu đăng kí theo nguyện vọng của cha mẹ học sinh. Trên cơ sở số liệu học sinh đăng kí, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, phòng ăn, phòng ngủ, các trang thiết bị cần thiết. Họp CMHS bán trú để phổ biến các quy định, phối hợp cùng CMHS kiểm tra khu vực nấu ăn nhà cung cấp, kí hợp đồng với nhà cung cấp.

Thành lập tổ công tác bán trú, phân công nhiệm vụ, tập huấn cho giáo viên chăm sóc bán trú để thực hiện, đảm bảo chăm sóc cho học sinh ăn ngon, ăn đủ, vui chơi, ngủ nghỉ an toàn trong giờ bán trú.

Phân công phó hiệu trưởng thường trực phụ trách công tác bán trú, hàng ngày kiểm tra, đôn đốc công tác nhận suất ăn, chăm sóc học sinh, tham mưu với nhà cung cấp để có suất ăn đảm bảo dinh dưỡng, an toàn thực phẩm cho học sinh.

Hàng tháng họp tổ công tác bán trú đánh giá, rút kinh nghiệm để tháng sau làm tốt hơn.

***7.3. Tổ chức các hoạt động sau giờ chính khoá***

Nhà trường căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh, nguyện vọng của cha mẹ học sinh tổ chức các hoạt động sau giờ chính khóa dưới hình thức sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng…) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; tăng cường tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khoá theo hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống, phân công cụ thể giáo viên tổ chức hoạt động. Thời gian từ 16h5 phút đến 16h45 phút trong các buổi học sinh học 3 tiết buổi chiều.

**8. Tham gia các cuộc thi**

***8.1. Đối với các cuộc thi của giáo viên (chỉ tiêu, cách tổ chức thực hiện):***

*a. Chỉ tiêu:*

Chọn cử giáo viên tham gia thi giáo viên dạy giỏi lớp Ba do Phòng Giáo dục và Đào tạo Thanh Oai tổ chức, phấn đấu đạt giải nhì.

Tổ chức hội thi thiết kế bài giảng Giáo dục Stem cấp trường, chọn 3 đến 5 bài giảng chất lượng tham gia Hội thi Thiết kế bài giảng giáo dục STEM cấp huyện, phấn đấu đạt giải Ba trở lên.

*b. Cách thực hiện:*

Tuyên truyền, phổ biến kế hoạch các cuộc thi của giáo viên ngay từ đầu năm học. Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi và hội thi thiết kế bài giảng Stem cấp trường, chọn cử giáo viên tham gia cấp huyện. Tổ chuyên môn tích cực bồi dưỡng để nâng cao chất lượng giáo viên tham gia dự thi.

***8.2. Đối với các cuộc giao lưu của học sinh (chỉ tiêu, cách tổ chức thực hiện).***

*8.2.1. Giao lưu đấu trường Vioedu từ khối 1 đến khối 5:*

*a. Chỉ tiêu:*

 Số hs có tài khoản: 100%, số học sinh tham gia học và thi thường xuyên: 90%. Số học sinh tham gia thi cấp trường: 50%, cấp huyện: 25%, đạt giải cấp huyện: 20%

*b. Cách thực hiện:*

Tuyên truyền, phổ biến nội dung thi với giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Hướng dẫn CMHS cách tham gia. Tổ chức thi cấp trường nghiêm túc, hiệu quả. Phân công giáo viên chủ nhiệm trực tiếp bồi dưỡng học sinh hàng ngày.

*8.2.2. Giao lưu viết chữ đẹp:*

*a. Chỉ tiêu:*

100% giáo viên tích cực tự bồi dưỡng và bồi dưỡng cho học sinh viết chữ đẹp hàng ngày. Mỗi lớp 20% số học sinh dự thi viết chữ đẹp cấp trường, 15% đạt bài viết chữ đẹp cấp trường, 10% dự thi cấp huyện và đạt bài viết chữ đẹp cấp huyện.

8 học sinh dự khai mạc tham gia thi trực tiếp: “Chữ đẹp tuổi thơ” lần thứ nhất do tạp chí trẻ em Việt Nam tổ chức tại Thanh Oai.

100% số học sinh tham gia bài viết: Chữ đẹp tuổi thơ, chọn 10% học sinh có bài viết dự thi Chữ đẹp tuổi thơ gửi về ban tổ chức trước 15/10/2023.

Học sinh khối 1,2,3 tham gia giao lưu viết chữ đẹp cấp huyện, số lượng: 2hs/lớp, tổng số: 22 học sinh đạt giải cấp huyện.

*b. Cách thực hiện:*

Tuyên truyền, phổ biến nội dung, ý nghĩa viết chữ đẹp. Ban giám hiệu thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc luyện viết chữ đẹp cho học sinh của giáo viên. Nhà trường tổ chức thi viết chữ đẹp cấp trường trước 15/3/2024, chọn học sinh tham gia cấp huyện, bồi dưỡng để các em có bài thi tốt.

*8.2.3. Giao lưu Tiếng Anh:*

*a. Chỉ tiêu:*

50% học sinh có tài khoản, tham gia luyện Tiếng Anh trên Internet. 20% số học sinh tham gia thi cấp trường, 10% số học sinh tham gia thi cấp huyện, trong đó 5% đạt giải cấp huyện.

*b. Cách thực hiện:*

Tuyên truyền, phổ biến hình thức tham gia thi Tiếng Anh trên Internet và các cuộc giao lưu do Phòng GD phát động. GV dạy Tiếng Anh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc học sinh tích cực tham gia, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh để bài thi đạt chất lượng. Tổ chức thi cấp trường, chọn cử học sinh tham gia thi cấp huyện. Giáo viên Tiếng Anh quan tâm và tích cực bồi dưỡng học sinh để học sinh được luyện đủ 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và làm bài thi đạt chất lượng.

*8.2.4. Giao lưu Olympic Tiếng Anh*

a. Chỉ tiêu: 20% số học sinh tham gia thi cấp trường, 10% tham gia thi cấp huyện và 5% đạt giải.

*b. Cách thực hiện:*

Tuyên truyền, phổ biến hình thức tham gia Olympic Tiếng Anh. Giáo viên dạy Tiếng Anh thường xuyên quan tâm bồi dưỡng học sinh. Tổ chức thi cấp trường, chọn cử học sinh thi cấp huyện, bồi dưỡng để học sinh có bài thi đạt kết quả tốt.

*8.2.5. Giao lưu học sinh lớp 4,5:*

*a. Chỉ tiêu:*

- Rung chuông vàng: Mỗi lớp 5 học sinh tham gia cấp trường, mỗi khối chọn 10 học sinh tham gia cấp huyện và đạt giải.

- Các nội dung giao lưu khác: đồng diễn thể dục hoặc dân vũ, kéo co: Tham gia 100% các nội dung và đạt giải ba trở lên.

*b. Cách thực hiện:*

Tuyên truyền, phổ biến với giáo viên về kế hoạch giao lưu của phòng, xây dựng kế hoạch tổ chức giao lưu của trường. Giáo viên quan tâm phát hiện học sinh năng khiếu ngay từ đầu năm học, bồi dưỡng, ra đề cho học sinh ôn luyện. Giáo viên thể dục bồi dưỡng học sinh các nội dân vũ, đồng diễn thể dục, kéo co bằng cách cho học sinh thường xuyên giao lưu trong các giờ thể dục.

Tổ chức giao lưu cấp trường đạt hiệu quả, chọn cử đội tuyển tham gia cấp huyện, bồi dưỡng luyện tập để học sinh thi đạt kết quả tốt.

8.2.6. Thi TDTT:

**9. Công tác kiểm định chất lượng, xây dựng trường chuẩn (Chỉ tiêu, nội dung thực hiện)**

*a. Chỉ tiêu:*

Trường đạt kiểm định giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào cuối năm 2023.

*b. Nội dung thực hiện:*

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, đôn đốc nhà thầu xây dựng đảm bảo tiến độ dự án xây dựng trường tiểu học Liên Châu đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào cuối năm 2023.

Nhà trường rà soát các tiêu chí kiểm định, hệ thống minh chứng, hoàn thành báo cáo tự đánh giá đề nghị Sở GDĐT Hà Nội về kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

**10. Công tác phổ cập (chỉ tiêu và nội dung thực hiện)**

*a. Chỉ tiêu:*

Trường đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

*b. Nội dung thực hiện:*

Chủ động tham mưu với chính quyền địa phương kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; xây dựng kế hoạch, tập trung mọi nguồn lực để củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó tập trung chỉ đạo mức độ đạt chuẩn cần gắn liền với các điều kiện đảm bảo nhằm tạo nền tảng củng cố, nâng cao thực chất chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, làm tốt công tác điều tra phổ cập, công tác tuyển sinh trẻ 6 tuổi vào lớp 1, quan tâm trẻ em khuyết tật và có hoàn cảnh khó khăn để các em được tham gia học tập đầy đủ.

**10. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục:**

*a. Chỉ tiêu:*

100% số học sinh khuyết tật được học hòa nhập và 100% học sinh khó khăn được quan tâm thường xuyên.

*b. Nội dung thực hiện*

Nhà trường xây dựng Kế hoạch giáo dục người khuyết tật tại địa phương theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật. Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; được học hòa nhập, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc tổ chức dạy và học cho học sinh khuyết tật phải được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh khuyết tật.

Ngay đầu năm học, điều tra số học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phân loại mức độ tiếp thu kiến thức và mức độ hòa nhập với xã hội của từng em, xây dựng kế hoạch dạy học đối với đối tượng học sinh này. Phân công giáo viên chủ nhiệm phụ trách trực tiếp dạy học cho học sinh, phân công giáo viên – tổng phụ trách đội hỗ trợ học sinh khuyết tật, tuyên truyền để các học sinh khác gần gũi, quan tâm không để học sinh bị cô lập hay bị bắt nạt. BGH thường xuyên kiểm tra nắm tình hình, sự tiến bộ của học sinh để có giải pháp tốt nhất trong dạy học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

**11. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

*11.1. Phát triển đội ngũ giáo viên:*

*a) Thực hiện các giải pháp bố trí, sử dụng giáo viên*

Thực hiện công khai việc phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, nâng cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo; mỗi thầy, cô giáo phải thực sự là tấm gương sáng cho các em học sinh noi theo. Kiên quyết “*nói không với tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục*”.

*11.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ:*

. Động viên, tạo điều kiện để 01 giáo viên chưa có trình độ đại học đi học nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu tại Luật Giáo dục 2019.

Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường. Dự kiến phân công giáo viên dạy lớp 5 năm học 2024 - 2025 để tập trung bồi dưỡng sẵn sàng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

 Xây dựng kế hoạch cùng nhau trao đổi kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm giảng dạy với trường kết nghĩa trong huyện và trong thành phố, giảng dạy nhằm thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các trường. Khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường học tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, nâng cao chất lượng giáo dục.

*11.3. Đảm bảo CSVC, thiết bị dạy học*

Đảm bảo đủ số phòng học cho 18 lớp, khi cơ sở vật chất khu B xây dựng xong, đảm bảo sắp xếp đủ các phòng bộ môn và phòng học ở 2 khu.

Thực hiện mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học theo đúng quy định, bảo đảm có đủ thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; vào đầu năm học, công khai danh mục, thiết bị đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường, chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học với mục tiêu kiên quyết không để tình trạng *“thiết bị đến trường mà không ra lớp”.*

Triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện, học sinh lên đọc sách đúng lịch, nhân viên thư viện tổ chức các hoạt động thư viện phong phú, sôi nổi để khuyến khích học sinh đọc sách; nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường và địa phương; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện, đặc biệt là phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

**12. Lựa chọn, triển khai sách giáo khoa**

Căn cứ thông tư 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông. Căn cứ việc sử dụng các bộ sách đã lựa chọn khối 1,2,3 từ những năm học trước, nhà trường tổ chức thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 5, trong đó cần đặc biệt quan tâm ý kiến từ các tổ chuyên môn trong quá trình tổ chức lựa chọn sách giáo khoa.

**13. Công tác quản lý, quản trị trường học**

*13.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục:*

Xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy; bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, đảm bảo cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình. Tuần học thứ nhất của năm học 2023-2024 từ ngày 05/9/2023 đến ngày 08/9/2023; Kết thúc học kì 1 ngày 11/01/2024, nghỉ học kì 1: 12/01/2024, bắt đầu học kì 2: 15/01/2024, kết thúc học kì 2: 24/5/2024; kết thúc năm học 31/5/2024.

Xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ về Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, đảm bảo sự tham gia của các lực lượng xã hội như cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội.

*13.2. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.*

Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” phù hợp với kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học nhà trường.

Sử dụng hiệu quả các phần mềm hồ sơ sổ sách điện tử, thư viện số, ứng dụng sổ liên lạc điện tử EnetViet, phần mềm thu chi tài chính...Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; bồi dưỡng đội ngũ về kĩ năng công nghệ thông tin sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

Tổ chức các tiết dạy học, các hoạt động giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn... bằng hình thức trực tuyến) đạt từ 2% đến 5%; khuyến khích giáo viên duy trì phương thức dạy học trực tuyến đối với một số nội dung bài học, bài tập phù hợp; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

Thực hiện báo cáo, cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đào tạo và trên phần mềm phổ cập giáo dục, xoá mù chữ đúng tiến độ quy định. Khai thác sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành phục vụ công tác điều hành, quản lý. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý. Từng bước thực hiện số hóa hồ sơ quản lý bảo đảm tinh gọn và hiệu quả. Tham gia đóng góp tài nguyên vào kho video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử, khai thác kho học liệu điện tử để tham khảo, sử dụng hỗ trợ trong công tác dạy và học các nội dung theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

*13.3. Đa dạng hoá các mô hình tổ chức dạy học:*

Khuyến khích giáo viên tham khảo những nội dung giáo dục tiên tiến của các mô hình giáo dục hiện đại để đưa vào kế hoạch bài dạy một cách phù hợp.

*13.4. Công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua, khen thưởng:*

*a. Công tác thanh tra, kiểm tra:*

Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học, kiểm tra đủ 17 chuyên đề trong bộ hồ sơ kiểm tra nội bộ, kiểm tra toàn diện 6 giáo viên, ban giám hiệu kiểm tra 100% giáo viên về công tác chuyên môn.

*b. Công tác thi đua, khen thưởng:*

Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định tại Thông tư số 22/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ GDĐT, nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua khen thưởng; Tham gia đầy đủ, có chất lượng các phong trào thi đua do các cấp, các ngành phát động. Nhà trường xây dựng tiêu chí thi đua, tổ chức bình xét thi đua theo 2 đợt trong năm học, khen thưởng động viên đúng quy định, đảm bảo khách quan, minh bạch gắn với hiệu quả công tác tạo nên phong trào thi đua sôi nổi trong nhà trường.

 *13.5. Công tác thông tin, báo cáo:*

Thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin trên cơ sở dữ kiệu ngành theo quy định. Gửi báo cáo thường xuyên, đột xuất theo yêu cầu của cấp trên đúng hạn, đảm bảo chất lượng.

*13.6. Thực hiện phong trào “ Nhà trường cùng chung tay phát triển - Thầy cô cùng sẻ chia trách nhiệm”:*

Thống nhất với 2 nhà trường kết nghĩa Tiểu học Kim Thư – Thanh Oai và Tiểu học Minh Khai A – Bắc Từ Liêm tổ chức các buổi giao lưu về chuyên môn, cùng chia sẻ kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm chuyên môn và giúp đỡ nhau trong các lĩnh vực hoạt động của nhà trường để cùng triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 4340/KH-SGDĐT ngày 12/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức phong trào “Nhà trường cùng chung tay phát triển - Thầy cô cùng sẻ chia trách nhiệm” giai đoạn 2022 - 2025. Dự kiến tổ chức mỗi trường tổ chức 1 chuyên đề chuyên môn để 2 trường bạn đến dự, tham quan.

*13.7. Công tác truyền thông:*

Truyền thông về Chương trình giáo dục phổ thông 2018, sách giáo khoa mới đối với lớp 4 và công tác chuẩn bị đối với lớp 5 theo lộ trình. Tổ chức truyền thông về các chủ trương, chính sách mới về giáo dục bằng nhiều hình thức như trong hội nghị cha mẹ học sinh, qua website, trên hệ thống thông tin của trường, của địa phương. Chủ động xử lý các vấn đề truyền thông tại địa phương; nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông của Ngành; đẩy mạnh truyền thông về nội dung, giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên viết bài và đưa tin về các hoạt động của Ngành việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến…. để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

**III. CHỈ TIÊU THI ĐUA CỦA GIÁO VIÊN**

**1. Các chỉ tiêu:**

**1.1. Tập thể:**

Trường đạt: Tập thể Lao động xuất sắc; Bằng khen của UBND thành phố; đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2; đạt Trường học an toàn

Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được LĐLĐ khen thưởng; Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

 Liên đội mạnh cấp huyện.

**1.2. Cá nhân:**

Số LĐTT: 31/35 đ/c đạt 89%;

Số CSTĐ cơ sở (là quản lý): 1 đ/c đạt 2,8 %; Số CSTĐ cơ sở (là giáo viên): 3 đ/c đạt 8,6%%.

Giáo viên giỏi cấp huyện: 2, thi TDTT: 5, được khen cấp huyện các nội dung khác: 3.

**1.3 . Các biện pháp thực hiện**

Xây dựng kế hoạch công tác thi đua, tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác thi đua để tập thể cùng đoàn kết, nhất trí đồng lòng phấn đấu. Hàng tháng rà soát các tiêu chí thi đua, có biện pháp kịp thời để phấn đấu đạt mục tiêu thi đua cuối năm. Hàng tháng, thực hiện đánh giá viên chức hàng tháng đúng quy định. Cuối kì, cuối năm, căn cứ kết quả xếp loại hàng tháng và tiêu chí thi đua để bình xét thi đua cá nhân, khen thưởng kịp thời, công khai, công bằng, khách quan.

***Người phụ trách: Hoàng Thị Minh – Hiệu trưởng***

**IV. CHỈ TIÊU THI ĐUA CỦA HỌC SINH**

**1. Chất lượng giáo dục**:

**1.1. Đánh giá kết quả học tập các môn học đối với lớp 1,2,3,4 theo TT27/2020**):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học** | **TS HS được đánh giá** | **Hoàn thành Tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa hoàn thành** |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
|   | **Khối 1**  | **127** |   |   |   |   |   |   |
| 1 | Tiếng Việt | 127 | 52 | 40,9 | 72 | 56,7 | 3 | 2,4 |
| 2 | Toán | 127 | 52 | 40,9 | 72 | 56,7 | 3 | 2,4 |
| 3 | Đạo đức | 127 | 58 | 45,7 | 69 | 54,3 | 0 | 0,0 |
| 4 | TNXH | 127 | 58 | 45,7 | 69 | 54,3 | 0 | 0,0 |
| 5 | Âm nhạc | 127 | 52 | 40,9 | 75 | 59,1 | 0 | 0,0 |
| 6 | Mĩ thuật | 127 | 52 | 40,9 | 75 | 59,1 | 0 | 0,0 |
| 7 | GDTC | 127 | 52 | 40,9 | 75 | 59,1 | 0 | 0,0 |
| 8 | HĐTN | 127 | 58 | 45,7 | 69 | 54,3 | 0 | 0,0 |
|   | **Khối 2** | **117** |   |   |   |   |   |   |
| 1 | Tiếng Việt | 117 | 48 | 41,0 | 67 | 57,3 | 2 | 1,7 |
| 2 | Toán | 117 | 48 | 41,0 | 67 | 57,3 | 2 | 1,7 |
| 3 | Đạo đức | 117 | 55 | 47,0 | 62 | 53,0 |   | 0,0 |
| 4 | TNXH | 117 | 55 | 47,0 | 62 | 53,0 |   | 0,0 |
| 5 | Âm nhạc | 117 | 48 | 41,0 | 69 | 59,0 |   | 0,0 |
| 6 | Mĩ thuật | 117 | 48 | 41,0 | 69 | 59,0 |   | 0,0 |
| 7 | GDTC | 117 | 48 | 41,0 | 69 | 59,0 |   | 0,0 |
| 8 | HĐTN  | 117 | 48 | 41,0 | 69 | 59,0 |   | 0,0 |
|   | **Khối 3** | **129** |   |   |   |   |   | 0,0 |
| 1 | Tiếng Việt | 129 | 52 | 40,3 | 77 | 59,7 |   | 0,0 |
| 2 | Toán | 129 | 52 | 40,3 | 77 | 59,7 |   | 0,0 |
| 3 | Đạo đức | 129 | 58 | 45,0 | 71 | 55,0 |   | 0,0 |
| 4 | TNXH | 129 | 58 | 45,0 | 71 | 55,0 |   | 0,0 |
| 5 | Âm nhạc | 129 | 52 | 40,3 | 77 | 59,7 |   | 0,0 |
| 6 | Mĩ thuật | 129 | 52 | 40,3 | 77 | 59,7 |   | 0,0 |
| 7 | GDTC | 129 | 52 | 40,3 | 77 | 59,7 |   | 0,0 |
| 8 | HĐTN  | 129 | 52 | 40,3 | 77 | 59,7 |   | 0,0 |
| 9 | Công nghệ | 129 | 52 | 40,3 | 77 | 59,7 |   | 0,0 |
| 10 | Tin học | 129 | 52 | 40,3 | 77 | 59,7 |   | 0,0 |
| 11 | Tiếng Anh | 129 | 52 | 40,3 | 77 | 59,7 |   | 0,0 |
|   | **Khối 4** | **140** |   |   |   |   |   | 0,0 |
| 1 | Tiếng Việt | 140 | 57 | 40,7 | 83 | 59,3 |   | 0,0 |
| 2 | Toán | 140 | 57 | 40,7 | 83 | 59,3 |   | 0,0 |
| 3 | Đạo đức | 140 | 64 | 45,7 | 76 | 54,3 |   | 0,0 |
| 4 | Khoa học | 140 | 64 | 45,7 | 76 | 54,3 |   | 0,0 |
| 5 | LS và ĐL | 140 | 57 | 40,7 | 83 | 59,3 |   | 0,0 |
| 6 | Âm nhạc | 140 | 57 | 40,7 | 83 | 59,3 |   | 0,0 |
| 7 | Mĩ thuật | 140 | 57 | 40,7 | 83 | 59,3 |   | 0,0 |
| 8 | GDTC | 140 | 57 | 40,7 | 83 | 59,3 |   | 0,0 |
| 9 | HĐTN  | 140 | 64 | 45,7 | 76 | 54,3 |   | 0,0 |
| 10 | Công nghệ | 140 | 57 | 40,7 | 83 | 59,3 |   | 0,0 |
| 11 | Tin học | 140 | 57 | 40,7 | 83 | 59,3 |   | 0,0 |
| 12 | Tiếng Anh | 140 | 57 | 40,7 | 83 | 59,3 |   | 0,0 |

**1.2. Đánh giá về phẩm chất, năng lực**

**a. Những phẩm chất chủ yếu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung phẩmchất** | **TS HS****được đánh giá** | **Xếploại** |
| **Tốt** | **Đạt** | **Cần cố gắng** |
|   | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **Khối 1** | **127** |   |   |   |   |   |   |
| Yêu nước | 127 | 65 | 51,2 | 62 | 48,8 |   | 0,0 |
| Nhân ái | 127 | 65 | 51,2 | 62 | 48,8 |   | 0,0 |
| Chăm chỉ | 127 | 65 | 51,2 | 62 | 48,8 |   | 0,0 |
| Trung thực | 127 | 65 | 51,2 | 62 | 48,8 |   | 0,0 |
| Trách nhiệm | 127 | 65 | 51,2 | 62 | 48,8 |   | 0,0 |
| **Khối 2** | **117** |   |   |   |   |   |   |
| Yêu nước | 117 | 60 | 51,3 | 57 | 48,7 |   | 0,0 |
| Nhân ái | 117 | 60 | 51,3 | 57 | 48,7 |   | 0,0 |
| Chăm chỉ | 117 | 60 | 51,3 | 57 | 48,7 |   | 0,0 |
| Trung thực | 117 | 60 | 51,3 | 57 | 48,7 |   | 0,0 |
| Trách nhiệm | 117 | 60 | 51,3 | 57 | 48,7 |   | 0,0 |
| **Khối 3** | **129** |   |   |   |   |   |   |
| Yêu nước | 129 | 65 | 50,4 | 64 | 49,6 |   | 0,0 |
| Nhân ái | 129 | 65 | 50,4 | 64 | 49,6 |   | 0,0 |
| Chăm chỉ | 129 | 65 | 50,4 | 64 | 49,6 |   | 0,0 |
| Trung thực | 129 | 65 | 50,4 | 64 | 49,6 |   | 0,0 |
| Trách nhiệm | 129 | 65 | 50,4 | 64 | 49,6 |   | 0,0 |
| **Khối 4** | **140** |   |   |   |   |   |   |
| Yêu nước | 140 | 70 | 50,0 | 70 | 50,0 |   | 0,0 |
| Nhân ái | 140 | 70 | 50,0 | 70 | 50,0 |   | 0,0 |
| Chăm chỉ | 140 | 70 | 50,0 | 70 | 50,0 |   | 0,0 |
| Trung thực | 140 | 70 | 50,0 | 70 | 50,0 |   | 0,0 |
| Trách nhiệm | 140 | 70 | 50,0 | 70 | 50,0 |   | 0,0 |

**b. Những năng lực cốt lõi:**

**\* Những năng lực chung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung năng lực** | **TS HS được đánh giá** | **Xếp loại** |
| Tốt | Đạt | Cần cố gắng |
| SL | % | SL | % | SL | % |
| **Khối 1** | **127** |   |   |   |   |   |   |
| Tự chủ và tự học | **127** | 60 | 47,2 | 67 | 52,8 |  | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | **127** | 60 | 47,2 | 67 | 52,8 |  | 0 |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | **127** | 60 | 47,2 | 67 | 52,8 |  | 0 |
| **Khối 2** | **117** |   |   |   |   |   |   |
| Tự chủ và tự học | **117** | 55 | 47,0 | 62 | 53,0 |   | 0,0 |
| Giao tiếp và hợp tác | **117** | 55 | 47,0 | 62 | 53,0 |   | 0,0 |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | **117** | 55 | 47,0 | 62 | 53,0 |   | 0,0 |
| **Khối 3** | **129** |   |   |   |   |   |   |
| Tự chủ và tự học | **129** | 60 | 46,5 | 69 | 53,5 |   | 0,0 |
| Giao tiếp và hợp tác | **129** | 60 | 46,5 | 69 | 53,5 |   | 0,0 |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | **129** | 60 | 46,5 | 69 | 53,5 |   | 0,0 |
| **Khối 4** | **140** |   |   |   |   |   |   |
| Tự chủ và tự học | **140** | 65 | 46,4 | 75 | 53,6 |   | 0,0 |
| Giao tiếp và hợp tác | **140** | 65 | 46,4 | 75 | 53,6 |   | 0,0 |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | **140** | 65 | 46,4 | 75 | 53,6 |   | 0,0 |

**\* Những năng lực đặc thù**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung năng lực** | **TS HS được đánh giá** | **Xếp loại** |
| Tốt | Đạt | Cần cố gắng |
| SL | % | SL | % | SL | % |
| **Khối 1** | **127** |   |   |   |   |   |   |
| Ngôn ngữ | **127** | 55 | 43,3 | 72 | 56,7 |  | 0,0 |
| Tính toán | **127** | 55 | 43,3 | 72 | 56,7 |   | 0,0 |
| Khoa học | **127** | 55 | 43,3 | 72 | 56,7 |   | 0,0 |
| Thẩm mĩ | **127** | 55 | 43,3 | 72 | 56,7 |   | 0,0 |
| Thể chất | **127** | 55 | 43,3 | 72 | 56,7 |   | 0,0 |
| **Khối 2** | **117** |   |   |   |   |   |   |
| Ngôn ngữ | **117** | 50 | 42,7 | 67 | 57,3 |   | 0,0 |
| Tính toán | **117** | 50 | 42,7 | 67 | 57,3 |   | 0,0 |
| Khoa học | **117** | 50 | 42,7 | 67 | 57,3 |   | 0,0 |
| Thẩm mĩ | **117** | 50 | 42,7 | 67 | 57,3 |   | 0,0 |
| Thể chất | **117** | 50 | 42,7 | 67 | 57,3 |   | 0,0 |
| **Khối 3** | **129** |   |   |   |   |   |   |
| Ngôn ngữ | **129** | 55 | 42,6 | 74 | 57,4 |   | 0,0 |
| Tính toán | **129** | 55 | 42,6 | 74 | 57,4 |   | 0,0 |
| Khoa học | **129** | 55 | 42,6 | 74 | 57,4 |   | 0,0 |
| Thẩm mĩ | **129** | 55 | 42,6 | 74 | 57,4 |   | 0,0 |
| Thể chất | **129** | 55 | 42,6 | 74 | 57,4 |   | 0,0 |
| CN-TH | **129** | 55 | 42,6 | 74 | 57,4 |  | 0,0 |
| **Khối 4** | **140** |   |   |   |   |   |   |
| Ngôn ngữ | **140** | 60 | 42,9 | 80 | 57,1 |   | 0,0 |
| Tính toán | **140** | 60 | 42,9 | 80 | 57,1 |   | 0,0 |
| Khoa học | **140** | 60 | 42,9 | 80 | 57,1 |   | 0,0 |
| Thẩm mĩ | **140** | 60 | 42,9 | 80 | 57,1 |   | 0,0 |
| Thể chất | **140** | 60 | 42,9 | 80 | 57,1 |   | 0,0 |
| CN-TH | **140** | 60 | 42,9 | 80 | 57,1 |  | 0,0 |

***\*Đánh giá Năng lực, phẩm chất cuối năm đối với khối 5:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TSHS các khối** | **Nội dung** | **Tốt** | **Đạt** | **CCG** |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| Khối 5 (132) | Năng lực | Tự phục vụ, tự quản | 65 | 49,2 | 92 | 50,8 |   |   |
| Hợp tác | 65 | 49,2 | 92 | 50,8 |   |   |
| Tự học, GQVĐ | 65 | 49,2 | 92 | 50,8 |   |   |
| Phẩm chất | Chăm học, chăm làm | 65 | 49,2 | 92 | 50,8 |   |   |
| Tự tin, trách nhiệm | 65 | 49,2 | 92 | 50,8 |   |   |
| Trung thực kỉ luật | 65 | 49,2 | 92 | 50,8 |   |   |
| Đoàn kết, yêu thương | 65 | 49,2 | 92 | 50,8 |   |   |

***\*Các môn đánh giá bằng điểm số:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Môn** | ***TSHS*** | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa hoàn thành** |
| ***Điểm 10*** | ***Điểm 9*** | ***Điểm 8*** | ***Điểm 7*** | ***Điểm 6*** | ***Điểm 5*** |  |   |
| ***SL*** | ***%*** | ***SL*** | ***%*** | ***SL*** | ***%*** | ***SL*** | ***%*** | ***SL*** | ***%*** | ***SL*** | ***%*** | ***SL*** | ***%*** |
| **1** | Toán | ***127*** | 20 | 15,7 | 30 | 23,6 | 15 | 11,8 | 15 | 11,8 | 20 | 15,7 | 24 | 18,9 | 3 | 2,4 |
| T.Việt | 20 | 15,7 | 30 | 23,6 | 15 | 11,8 | 15 | 11,8 | 20 | 15,7 | 24 | 18,9 | 3 | 2,4 |
| **2** | Toán | ***117*** | 18 | 15,4 | 29 | 22,8 | 14 | 12,0 | 14 | 12,0 | 19 | 16,2 | 23 | 21,6 | 0 | 0,0 |
| T.Việt | 18 | 15,4 | 29 | 22,8 | 14 | 12,0 | 14 | 12,0 | 19 | 16,2 | 23 | 21,6 | 0 | 0,0 |
| **3** | Toán | ***129*** | 20 | 15,5 | 31 | 24,4 | 16 | 12,4 | 16 | 12,4 | 20 | 15,5 | 26 | 19,8 | 0 | 0,0 |
| T.Việt | 20 | 15,5 | 31 | 24,4 | 16 | 12,4 | 16 | 12,4 | 20 | 15,5 | 26 | 19,8 | 0 | 0,0 |
| Tin học | 20 | 15,5 | 31 | 24,4 | 16 | 12,4 | 16 | 12,4 | 20 | 15,5 | 26 | 19,8 | 0 | 0,0 |
| T. Anh | 20 | 15,5 | 31 | 24,4 | 16 | 12,4 | 16 | 12,4 | 20 | 15,5 | 26 | 19,8 | 0 | 0,0 |
| *4* | Toán | **140** | 22 | 15,7 | 33 | 23,6 | 17 | 12,1 | 17 | 12,1 | 22 | 15,7 | 29 | 20,7 | 0 | 0,0 |
| T.Việt | 22 | 15,7 | 33 | 23,6 | 17 | 12,1 | 17 | 12,1 | 22 | 15,7 | 29 | 20,7 | 0 | 0,0 |
| Khoa | 22 | 15,7 | 33 | 23,6 | 17 | 12,1 | 17 | 12,1 | 22 | 15,7 | 29 | 20,7 | 0 | 0,0 |
| Sử,địa | 22 | 15,7 | 33 | 23,6 | 17 | 12,1 | 17 | 12,1 | 22 | 15,7 | 29 | 20,7 | 0 | 0,0 |
| T. Anh | 22 | 15,7 | 33 | 23,6 | 17 | 12,1 | 17 | 12,1 | 22 | 15,7 | 29 | 20,7 | 0 | 0,0 |
| *5* | Toán | **132** | 20 | 15,2 | 33 | 25,0 | 16 | 12,1 | 16 | 12,1 | 21 | 15,9 | 34 | 19,7 | 0 | 0,0 |
| T.Việt | 20 | 15,2 | 33 | 25,0 | 16 | 12,1 | 16 | 12,1 | 21 | 15,9 | 34 | 19,7 | 0 | 0,0 |
| Khoa | 20 | 15,2 | 33 | 25,0 | 16 | 12,1 | 16 | 12,1 | 21 | 15,9 | 34 | 19,7 | 0 | 0,0 |
| Sử,địa | 20 | 15,2 | 33 | 25,0 | 16 | 12,1 | 16 | 12,1 | 21 | 15,9 | 34 | 19,7 | 0 | 0,0 |
| T. Anh | 20 | 15,2 | 33 | 25,0 | 16 | 12,1 | 16 | 12,1 | 21 | 15,9 | 34 | 19,7 | 0 | 0,0 |

***\*Các môn đánh giá bằng nhận xét:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **Đánh giá bằng nhận xét** | **Tổng số HS** | **Đạo đức** | **Khoa học** | **Âm nhạc** | **Mỹ thuật** |  **Kỹ thuật** | **Thể dục** |
|
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 5 | Hoàn thành tốt | 132 | 55 | 41,7 | 55 | 41,7 | 55 | 41,7 | 55 | 41,7 | 55 | 41,7 | 55 | 41,7 |
| Hoàn thành | 77 | 58,3 | 77 | 58,3 | 77 | 58,3 | 77 | 58,3 | 77 | 58,3 | 77 | 58,3 |
| Chưa hoàn thành | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |

 **1.3.Bồi dưỡng học sinh nổi trội.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Danh hiệu Học sinh** | **Khối** | **Tổng cộng** |
| **Khối 1** | **Khối 2** | **Khối 3**  | **Khối 4** | **Khối 5** |   |   |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **127** |  | **117** |  | **129** |  | **140** |  | **132** |  | **645** |  |
| Đấu trường Vioedu | 26 | 20,5 | 24 | 20,5 | 26 | 20,2 | 28 | 20,0 | 27 | 20,5 | 131 | 20,3 |
| Giao lưu chữ đẹp lớp 1,2,3  | 6 | 4,7 | 8 | 6,84 | 8 | 6,2 |   | 0,0 |   | 0,0 | 22 | 5,9 |
| Giao lưu Rung chuông vàng lớp 4,5 |   | 0,0 |   | 0 |   | 0,0 | 10 | 7,1 | 10 | 7,6 | 20 | 7,4 |
| TDTT cấp huyện  | 2 | 1,6 | 2 | 1,71 | 2 | 1,6 | 2 | 1,4 | 2 | 1,5 | 10 | 1,6 |
| TA trên Internet cấp huyện | 7 | 5,5 | 6 | 5,13 | 7 | 5,4 | 7 | 5,0 | 7 | 5,3 | 34 | 5,3 |
| TA trên Internet cấp thành phố | 0 | 0,0 | 0 | 0 | 1 | 0,8 | 1 | 0,7 | 0 | 0,0 | 2 | 0,3 |
| Olympic TA cấp huyện | 7 | 5,5 | 6 | 5,13 | 7 | 5,4 | 7 | 5,0 | 7 | 5,3 | 34 | 5,3 |
| Olympic TA thành phố | 0 | 0,0 | 0 | 0 | 1 | 0,8 | 1 | 0,7 | 0 | 0,0 | 2 | 0,3 |
| Khen thưởng HSHTXS cuối năm học. | 32 | 25,2 | 30 | 25,6 | 33 | 25,6 | 35 | 25,0 | 33 | 25,0 | 163 | 25,3 |
| HS khen tiêu biểu, vượt trội | 20 | 15,7 | 18 | 15,4 | 20 | 15,5 | 22 | 15,7 | 21 | 15,9 | 101 | 15,7 |
| HS đạt cháu ngoan Bác Hồ. | 125 | 98,4 | 115 | 98,3 | 125 | 96,9 | 135 | 96,4 | 130 | 98,5 | 630 | 97,7 |
| Lớp tiên tiến | 3 | 100 | 4 | 100 | 4 | 100 | 4 | 100 | 3 | 100 | 18 | 100 |
| Lớp vở sạch chữ đẹp | 3 | 50 | 2 | 50 | 2 | 50 | 2 | 67 | 2 | 40 | 11 | 61,1 |

\* Thi Tuyên truyền giới thiệu lịch sử địa phương: Phấn đấu đạt giải ba

\* Các nội dung giao lưu học sinh tiểu học theo nhóm: phấn đấu đạt giải ba trở lên.

 **1.4.Các biện pháp thực hiện:**

Bám sát các kế hoạch của Phòng Giáo dục Đào Tạo Thanh Oai, triển khai thực hiện phù hợp với thực tế nhà trường; Giao chỉ tiêu ngay từ đầu năm học cho các khối lớp; Gắn trách nhiệm bồi dưỡng, phụ đạo học sinh cho giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn; Khen thưởng, động viên kịp thời những giáo viên có học sinh đạt giải trong các kì thi; Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học.

 ***Người phụ trách: Hoàng Thị Minh – Hiệu trưởng***

**V. CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC VÀ XOÁ MÙ CHỮ**

**1. Số lớp,số học sinh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khốilớp | **Lớp 1** | **Lớp 2** | **Lớp 3** | **Lớp 4** | **Lớp 5** | Toàn trường | **So với KH** |
| KH | TH | KH | TH | KH | TH | KH | TH | KH | TH | KH | TH | Tăng | Giảm |
| Số lớp | 3 | 3 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 3 | 3 | 18 | 18 | 0 | 0 |
| Số HS | 127 | 127 | 117 | 117 | 129 | 129 | 140 | 140 | 132 | 132 | 645 | 645 | 0 | 0 |

**2. Số lớp, số học sinh học 2 buổi/ngày. Số học sinh khuyết tật, lên lớp, thi lại và lưu ban*.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số****lớp** | **TSHS** | **Nữ** | **HS bán trú** | **Học sinh 2 buổi/ ngày** | **Số HS khuyết tật** | **Số HS Hoàn thành CTLH** | **Số HS thi lại** | **Ở lại lớp** |
| Số lớp | Số HS | Số lớp | SốHS |
| 1 | 3 | 127 | 55 | 3 | 35 | 3 | 127 | 2 | 121 | 6 | 4 |
| 2 | 4 | 117 | 54 | 3 | 30 | 4 | 117 | 1 | 117 | 0 | 0 |
| 3 | 4 | 129 | 56 | 4 | 35 | 4 | 129 | 0 | 129 | 0 | 0 |
| 4 | 4 | 140 | 67 | 3 | 30 | 4 | 140 |  | 140 | 0 | 0 |
| 5 | 3 | 132 | 62 | 3 | 30 | 3 | 132 | 2 | 132 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **18** | **645** | **294** | **16** | **160** | **18** | **645** | **5** | **639** | **6** | **4** |

**3.Phát triển số lượng**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số lớp** | **TS****HS** | **Nữ** | **HS học 2 buổi/ngày** | **HS ăn bán trú** | **Học sinh khuyết tật** | **Tỷlệ H/S HT CT lớp học** | **Dự kiến Tỷlệ H/S chưa hoàn thành CT lớp học** |
| **Tổng số** | **Số HS có hồ sơ KT** |
| **Số lớp** | **Số HS** | **Số lớp** | **Số HS** |
| 1 | 3 | 127 | 55 | 3 | 127 | 3 | 35 | 2 | 2 | 96,7% | 3,3% |
| 2 | 4 | 117 | 54 | 4 | 117 | 3 | 30 | 1 | 1 | 100% | 0 |
| 3 | 4 | 129 | 56 | 4 | 129 | 4 | 35 | 0 | 0 | 100% | 0 |
| 4 | 4 | 140 | 67 | 4 | 140 | 3 | 30 | 0 | 0 | 100% | 0 |
| 5 | 3 | 132 | 62 | 3 | 132 | 3 | 30 | 2 | 2 | 100% | 0 |
| **Tổng** | **18** | **645** | **294** | **18** | **645** | **16** | **160** | **5** | **5** | **99,4%** | **0,6%** |

**4.Chỉ tiêu về phổ cập:**

 ***\* Tiêu chí 1 :***

 Huy động t76r7666r6dyfffdxđrẻ 6 tuổi ra lớp: 100%; Phấn đấu trẻ 11 tuổi HTCTTH: 123/123 = 100%; Số trẻ đến 14 tuổi HTCTTH : 100%;

 Chống mù chữ, tái mù độ tuổi từ 15 - 35 tuổi: 0

***\* Tiêu chí 2 :*** Đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,4

***\* Tiêu chí 3: Cơ sở vật chất:***

Đủ số phòng học cho 18 lớp, các phòng học đảm bảo quy cách, tiêu chuẩn, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế cho 645 học sinh; Đủ số phòng học bộ môn theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT; Đủ thiết bị dạy học tối thiểu cho các khối lớp.

Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 vào cuối năm 2023.

**4. Các biện pháp thực hiện:**

Làm tốt công tác tuyên truyền tới toàn dân về công tác phổ cập là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người; Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện hạn chế học sinh lưu ban. Phối kết hợp với các đoàn thể địa phương để hạn chế tình trạng học sinh bỏ học; Cập nhật phần mềm chính xác; Tham mưu tích cực về công tác xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cần thiết cho dạy và học.

 ***Người phụ trách: Phạm Thị Kim Tuyến – Phó hiệu trưởng***

 ***Nguyễn Thị Kim Thanh – Nhân viên***

**VI. CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ**

**1. Tham gia bảo hiểm:**

**1.1**.Chỉ tiêu: Bảo hiểm y tế: 100%.

**1.2.Các biện pháp thực hiện:**

Tăng cường công tác tuyên truyền về ích lợi của bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể. Nhân viên phụ trách bảo hiểm làm tốt vai trò tư vấn, hỗ trợ người dân về công tác bảo hiểm để đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm. Nhà trường có ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền và cơ quan bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể nâng cao chất lượng chăm sóc người tham gia bảo hiểm.

***Người phụ trách: Lê Thị Huyền – Nhân viên***

**2. Thực hiện các cuộc vận động:**

**2.1.Chỉ tiêu:**

Các cuộc vận động và các phong trào phối hợp UBMTTQ: 100%; Các cuộc vận động và các phong trào phối hợp với hội chữ thập đỏ: 100%; Các cuộc vận động và các phong trào phối hợp với Liên đoàn lao động: 100%; Các cuộc vận động và các phong trào phối hợp với phòng LĐTBXS: 100%; Các cuộc vận động và phong trào phối hợp với Phòng Nội vụ: 100%; Các cuộc vận động và phong trào theo chỉ đạo của Sở GD: 100%.

**2.2.Các biện pháp thực hiện:**

Cập nhật kịp thời các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của các cấp, các ngành. Tích cực tuyên truyền để nâng cao tinh thần đoàn kết, vận động, đôn đốc cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia đầy đủ các cuộc vận động và phong trào đạt kết quả cao.

Giao nhiệm vụ cho giáo viên chủ nhiệm vận động học sinh, cha mẹ học sinh tham gia bảo hiểm, đưa công tác bảo hiểm vào tiêu chí thi đua của các lớp.

Tổng kết các cuộc vận động, tuyên dương các cá nhân thực hiện tốt, tích cực tham gia.

***Người phụ trách: Vương Thị Hồng Mai – Chủ tịch Công đoàn***

**3. Công tác hoạt động ngoại khóa:**

**3.1.Chỉ tiêu:**

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt dưới cờ, hoạt động tập thể 1 lần/ tuần và vào các ngày kỉ niệm lớn, ngày Tết Trung thu…

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa ngoài nhà trường: 1 đến 2 lần/năm.

**3.2. Các biện pháp thực hiện**

Nghiên cứu lựa chọn các nội dung ngoại khóa phù hợp với học sinh để tổ chức cho học sinh tham gia. Mục tiêu lựa chọn mang tính giải trí và giáo dục, rèn luyện kĩ năng sống, giáo dục đạo đức, truyền thống, lịch sử, văn hóa cho học sinh. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa, phối hợp các tổ chức trong và ngoài nhà trường để tổ chức hoạt động ngoại khóa đạt hiệu quả. Tổng kết, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, tuyên dương các cá nhân, tập thể thực hiện tốt hoạt động ngoại khóa.

 ***Người phụ trách: Phạm Thị Kim Tuyến – Phó hiệu trưởng***

 ***Nguyễn Thị Thúy Hằng – GV, TPT đội***

**4. Công tác xây dựng trường học thân thiện:**

**4.1.Chỉ tiêu:**

Đạt Trường học thân thiện

**4.2. Các biện pháp thực hiện:**

Bám sát 5 tiêu chí trường học thân thiện để quán triệt cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện: Xây dựng trường lớp xanh, sạch đẹp an toàn; Dạy và học có hiệu quả phù hợp với đặc điểm lứa tuổi học sinh; Rèn kĩ năng sống cho học sinh giúp tạo khả năng thích nghi đa dạng; Tổ chức các hoạt động tập thể vui tươi lành mạnh, thể dục thể thao; Tham gia xây dựng, tìm hiểu, chăm sóc và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng tại địa phương. Nghiên cứu, tìm hiểu, cho học sinh tham quan tìm hiểu, chăm sóc di tích lịch sử tại thôn Châu Mai, thôn Từ Châu, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ xã Liên Châu; Phân công mỗi lớp phụ trách một bồn hoa, cây cảnh tự chăm sóc hàng ngày, chấm điểm thi đua để giáo dục học kĩ năng lao động cho học sinh; Trong mỗi giờ chào cờ tổ chức các hoạt động vui chơi, học vui, vui học. Khuyến khích học sinh chơi các trò chơi dân gian, các trò chơi vận động lành mạnh rèn luyện sức khỏe, kĩ năng sống cho học sinh; Khuyến khích giáo viên đổi mới sáng tạo trong dạy học, học sinh học tập tích cực để việc dạy và học đạt hiệu quả.

***Người phụ trách: Phạm Thị Kim Tuyến – Phó hiệu trưởng***

 ***Nguyễn Thị Thúy Hằng – GV, TPT đội***

**5. Công tác phổ cập bơi**

**5.1.Chỉ tiêu:**

30% số học sinh tham gia học bơi và biết bơi

**5.2. Các biện pháp thực hiện:**

Tuyên truyền phổ biến phòng chống đuối nước bằng nhiều hình thức; Khuyến khích CMHS đăng kí cho con học bơi tại các lớp dạy bơi trên địa bàn xã và các xã lân cận.

***Người phụ trách: Phạm Thị Kim Tuyến – Phó hiệu trưởng***

 ***Đào Quang Miền – GV dạy GDTC***

**6. Công tác tham vấn học đường**

**6.1. Chỉ tiêu:**

Số phòng tham vấn học đường: 01; Số người phụ trách phòng tham vấn học đường: 9; Sổ ghi chép theo dõi các nội dung tham vấn cho học sinh: 01; Sổ theo dõi danh sách các học sinh đề nghị tham vấn: 01

**6.2.Các biện pháp thực hiện:**

Bố trí phòng tham vấn học đường, thành lập tổ tham vấn học đường gồm BGH, GVCN, GV-TPT, NVYT, phân công một giáo viên phụ trách phòng tham vấn học đường. Giao trách nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn vừa dạy học vừa quan tâm nắm bắt tâm lý học, phát hiện học sinh cần tham vấn, theo dõi, tham vấn học sinh và báo cáo nhà trường về học sinh cần tham vấn, phối hợp cùng nhân viên phụ trách tham vấn để tham vấn cho học sinh đạt hiệu quả tốt nhất. Bổ sung tài liệu, sách tham khảo cho công tác tư vấn học đường. Cập nhật kịp thời học sinh cần tham vấn và nội dung tham vấn vào sổ theo dõi.

***Người phụ trách: Phạm Thị Kim Tuyến – Phó hiệu trưởng***

 ***Nguyễn Thị Thúy Hằng – GV, TPT đội***

**7. Công tác pháp chế, cải cách hành chính**

 **7.1. Chỉ tiêu:**

Xếp loại tốt.

**7.2. Các biện pháp thực hiện:**

Cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch, quyết định, minh chứng, lưu trữ khoa học; Đủ hồ sơ mảng pháp chế; Có bảng công khai các thủ tục hành chính; Thực hiện công khai các thủ tục hành chính trên bảng công khai theo quy định, cập nhật kịp thời văn bản đi, đến, in sổ theo tháng; Rà soát các thủ tục hành chính có hiệu lực hiện thời trong ngành giáo dục. Có sẵn các mẫu đơn, tờ khai theo hướng dẫn thủ tục hành chính. Công khai số điện thoại của người phụ trách công tác cải cách hành chính để công dân liên hệ; Xây dựng quy chế dân chủ, quy chế làm việc của cơ quan, phát huy quyền làm chủ, dân chủ công khai, cải cách hành chính công; Bảo quản, sử dụng con dấu đúng quy định.

***Người phụ trách: Phạm Thị Kim Tuyến – Phó hiệu trưởng***

 ***Hoàng Thị Thu Hương – Thư kí Hội đồng tự đánh giá***

**VII. CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ**

**1.Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Biên chế hợp đồng** | **T.độ lý luận** | **Đảng viên** | **Trình độ đào tạo** | **Cân đối**  |
| **TS** | **Nữ** | **B/chế** | **H/đồng** | **Trên ĐH** | **ĐH** | **CĐ** | **TC** | **Thừa** | **Thiếu** |
| **Quản lý** | **2** | **2** | **2** | **0** | **2** | **2** | **0** | **2** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **GV cơ bản** | **19** | **16** | **15** | **4** | **1** | **10** | **0** | **15** | **4** | **0** | **0** | **4** |
| **GV C/biệt** | **7** | **3** | **7** | **0** | **0** | **6** | **0** | **6** | **1** | **0** | **0** | **0** |
| *Â.nhạc* | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| *M.thuật* | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| *TD* | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| *T.Anh* | 2 | 2 | 2 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| *Tin học* | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| **TPT đội** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **Nhân viên** | **7** | **3** | **3** | **4** | **0** | **6** | **0** | **3** | **0** | **2** | **1** | **0** |
| *Kế toán* | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| *Văn thư* | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| *Thư viện* | 1 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| *TBị* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| *Y tế* | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| *Thủ quỹ* | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| *NV khác* | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng số** | **35** | **24** | **27** | **8** | **3** | **24** | **0** | **26** | **5** | **2** | **1** | **6** |

**2. Chỉ tiêu phấn đấu về đội ngũ**

*a. Công tác chuyên đề, SHCM, đánh giá xếp loại giờ dạy:*

- Chuyên đề : Số chuyên đề thực hiện trong năm học 2023-2024: 20, trong đó : chuyên đề tổ: 5; chuyên đề khối: 5; chuyên đề trường: 10

- Sinh hoạt khối chuyên môn: 2 lần/tháng; Sinh hoạt tổ CM : 2 lần/ học kì.

Số giờ giáo viên dự của đồng nghiệp : 3 tiết/tháng

- Tổng số giờ thao giảng trong năm học: 25 Giờ (đợt 20/11)

Trong đó số giờ dạy tốt: 20 đạt tỷ lệ 80%; Số giờ dạy khá: 5 đạt tỷ lệ 20%

 *b. Đánh giá xếp loại hồ sơ sổ sách giáo viên*

|  |  |
| --- | --- |
|  **Khối****Lớp** | **XẾP LOẠI**  |
| *Tốt* | *%* | *Khá* | *%* | *ĐYC* | *%* | *Chưa ĐYC* | *%* |
| ***1*** | 6 | 75 | 2 | 25 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***2*** | 4 | 80 | 1 | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***3*** | 3 | 75 | 1 | 25 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***4*** | 4 | 80 | 1 | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***5*** | 3 | 75 | 1 | 25 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **CỘNG** | **20** | **77** | **6** | **23** | 0 | 0 | 0 | 0 |

\* Công tác Sáng kiến kinh nghiệm:

Đề tài SKKN cấp trường:Tổng số: 35 Trong đó: loại A: 15 ; loại B: 10 ; loại C: 10 ; Đề tài SKKN cấp huyện: Tổng số: 15

\* Chất lượng giáo viên:

- Chất lượng thi giáo viên giỏi cấp trường: 100% gv tham gia, chọn cử 2 giáo viên dự thi cấp huyện môn cơ bản lớp 3 đạt giải nhì và môn chuyên biệt đạt giải nhì.

- Chất lượng cuộc thi thiết kế bài giảng Elerning: Có 3 đến 5 bài tham gia, đạt từ giải ba trở lên.

- Chất lượng cuộc thi thiết kế bài giảng Stem: Có 3 đến 5 bài tham gia đạt từ giải ba trở lên.

- Chất lượng cuộc thi TDTT giáo viên: Tham gia 100% các cuộc thi TDTT dành cho giáo viên do PGD Thanh Oai tổ chức, đạt từ giải ba trở lên.

**3. Chỉ tiêu cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện phát âm đúng L/N**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **TS lớp** | **Tổng số CBQL, GV** | **Số CBQLGV phát âm đúng** | **Tỷ lệ**  | **Số CBQLGV phát âm sai** | **Tỷ lệ**  | **Số CBQLGV viết đúng** | **Tỷ lệ**  | **Số CBQLGV viết sai** | **Tỷ lệ** | **Ghi chú** |
|
|
|
|
| CBQL |   | 2 | 2 | 100 | 0 | 0 | 2 | 100 | 0 | 0 |   |
| 1 | 3 | 8 | 8 | 100 | 0 | 0 | 8 | 100 | 0 | 0 |   |
| 2 | 4 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 5 | 100 | 0 | 0 |   |
| 3 | 4 | 4 | 4 | 100 | 0 | 0 | 4 | 100 | 0 | 0 |   |
| 4 | 4 | 5 | 5 | 100 | 0 | 0 | 5 | 100 | 0 | 0 |   |
| 5 | 3 | 4 | 4 | 100 | 0 | 0 | 4 | 100 | 0 | 0 |   |
| **Cộng** | **18** | **28** | **28** | **100** | **0** | **0** | **28** | **100** | **0** | **0** |  |

**4. Chỉ tiêu học sinh phát âm đúng phụ âm đầu L/N**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **TS lớp** | **Tổng số hs** | **Số hs phát âm đúng** | **Tỷ lệ** | **Số hs phát âm sai** | **Tỷ lệ** | **Số hs viết đúng** | **Tỷlệ** | **Số hs viết sai** | **Tỷ lệ** | **Ghi chú** |
|
|
| 1 | 3 | 127 | 120 | 94,5 | 7 | 5,5 | 120 | 94,5 | 7 | 5,5 |   |
| 2 | 4 | 117 | 110 | 94,0 | 7 | 6,0 | 110 | 94,0 | 7 | 6,0 |   |
| 3 | 4 | 129 | 120 | 93,0 | 9 | 7,0 | 120 | 93,0 | 9 | 7,0 |   |
| 4 | 4 | 140 | 135 | 96,4 | 5 | 3,6 | 135 | 96,4 | 5 | 3,6 |   |
| 5 | 3 | 132 | 130 | 98,5 | 2 | 1,5 | 130 | 98,5 | 2 | 1,5 |   |
| **Cộng** | **18** | **645** | **615** | **95,3** | **30** | **4,7** | **615** | **95,3** | **30** | **4,7** |  |

 **5*.* Xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp**

**5.1. Chỉ tiêu**

|  |
| --- |
| Xếp loại giáo viên  |
| Tốt | Khá | Đạt | Chưa đạt |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 20 | 77 | 6 | 23 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**5.2. Các biện pháp thực hiện:**

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên hợp lý, phân công đúng việc đúng người, bồi dưỡng các chuyên đề theo nhu cầu của giáo viên, động viên giáo viên tích cực học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp, tích cực áp dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học tích cực, khai thác thông tin trên mạng phục vụ cho công tác tự nghiên cứu. Chỉ đạo đổi mới nội dung hình thức sinh hoạt tổ, khối chuyên môn, gắn với thi đua từng tháng.

BGH thường xuyên dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm cho giáo viên để giáo viên nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi để giáo viên mang hết khả năng của mình vào giảng dạy, nghiên cứu bài dạy.

 Có các hình thức động viên, khen thưởng, kịp thời để giáo viên tích cực trong công tác chuyên môn và các hoạt động của nhà trường.

***Người phụ trách: Hoàng Thị Minh - Chức vụ: Hiệu trưởng***

**VIII. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, THI ĐUA , KHEN THƯỞNG**

**1.Về công tác kiểm tra:**

Kiểm tra 17 chuyên đề/ học kì theo hướng dẫn công tác kiểm tra nội bộ trường học.

Ban giám hiệu kiểm tra 100% giáo viên việc thực hiện quy chế chuyên môn ít nhất 2 lần/năm.

**2. Về công tác dự giờ**

Ban giám hiệu dự giờ đột xuất 100% giáo viên ít nhất 1 lần/năm; dự giờ thao giảng 100% giáo viên.

**3. Công tác thi đua, khen thưởng:**

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia các phong trào thi đua, được khen thưởng khi có thành tích và đáp ứng các tiêu chí thi đua nhà trường đề ra theo 2 đợt thi đua/ năm. 100% viên chức được đánh giá hàng tháng trên hệ thống, và đánh giá viên chức cuối năm.

 **4. Các biện pháp thực hiện:**

Thành lập Ban kiểm tra nội bộ, xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, phân công người kiểm tra, thời gian kiểm tra, thực hiện kiểm tra đảm bảo tiến độ. Sau mỗi học kì có báo cáo kết quả, rút kinh nghiệm để công tác kiểm tra kì sau đạt hiệu quả cao hơn.

Kiểm tra đúng tiến độ đã xây dựng trong kế hoạch. Trong mỗi cuộc kiểm tra đều có đánh giá, rút kinh nghiệm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ tốt hơn. Biểu dương cá nhân và tập thể khi có tiến bộ, kịp thời phát hiện vi phạm xử lý theo quy định.

Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch dự giờ đột xuất ngay từ những tuần đầu của năm học, mỗi tuần ít nhất 2 đến 3 tiết/ cán bộ quản lý.

Xây dựng tiêu chí thi đua ngay từ đầu năm học, thống nhất tiêu chí thi đua trong hội nghị viên chức và triển khai thực hiện. Khen thưởng, động viên kịp thời vào các đợt thi đua và khi giáo viên đạt thành tích.

***Người phụ trách: Hoàng Thị Minh; Chức vụ: Hiệu trưởng; Vương Thị Hồng Mai – Chủ tịch công đoàn.***

 **IX. QUẢN LÝ CƠ SỞ VẬT CHẤT**

1. **Chỉ tiêu về cơ sở vật chất**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các hạng mục công trình** | **Số phòng hiện có** | **Diện tích ….. m2** | **Số phòng đang xây mới** | **Số phòng còn thiếu nhưng đã có theo dự án được phê duyệt** | **Ghi chú** |
|
| **A** | **Tổng diện tích nhà trường** |   | 18393 |   |   |   |
|  | Diện tích sân chơi |   | 6000 |   |   |   |
|  | Diện tích bãn tập |   | 0 |   |   |   |
| **B** | **Khối phòng hành chính quản trị** |   |   |   |   |   |
| 1 | Phòng Hiệu trưởng | 1 | 40 |   |   |   |
| 2 | Phòng Phó HT | 1 | 20 | 1 |   |   |
| 3 | Văn phòng | 1 | 40 | 0 |   |   |
| 4 | Phòng bảo vệ | 2 | 12 | 0 |   |   |
| 5 | Khu vệ sinh giáo viên | 1 | 15 | 1 |   |   |
| 6 | Khu để xe giáo viên | 1 | 40 | 1 |   |   |
| **C** | **Khối phòng học tập** |   |   |   |   |   |
| 1 | Phòng học | 18 | 40 | 2 |   |   |
| 2 | Phòng học bộ môn Âm nhạc | 1 | 52 | 1 |   |   |
| 3 | Phòng học bộ môn Mỹ thuật | 1 | 52 | 1 |   |   |
| 4 | Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ | **0** | 0 | 2 |   |   |
| 5 | Phòng học bộ môn Tin học | 1 | 40 | 1 |   |   |
| 6 | Phòng học bộ môn Ngoại ngữ | 1 | 52 | 1 |   |   |
| 7 | Phòng đa chức năng | **0** | 0 | 2 |   |   |
| **D** | **Khối phòng hỗ trợ học tập** |  |   |   |   |   |
| 1 | Thư viện | 2 | 104 | 0 |   |   |
| 2 | Phòng thiết bị giáo dục | 1 | 52 | 0 |   |   |
| 3 | Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh KT | **1** | 20 | 0 |   |   |
| 4 | Phòng Đội Thiếu niên | 1 | 20 | 0 |   |   |
| 5 | Phòng truyền thống | 1 | 40 | 0 |   |   |
| **E** | **Khối phụ trợ** |   |   |   |   |   |
| 1 | Phòng họp | **1** | 60 | 0 |   |   |
| 2 | Phòng Y tế  | 1 | 20 | 1 |   |   |
| 3 | Nhà kho | 0 | 0 | 1 |   |   |
| 4 | Khu để xe học sinh | 2 | 200 | 0 |   |   |
| 5 | Khu vệ sinh học sinh | 6 | 90 | 2 |   |   |
| 6 | Phòng nghỉ giáo viên | **1** | 20 | 1 |   |   |
| 7 | Phòng giáo viên 10 lớp 1 phòng | **0** | 0 | 1 |   |   |
| 8 | Khu sân chơi, thể dục thể thao | **0** | 0 | 0 |   |   |
| 9 | Sân trường | 2 | 6000 | 0 |   |   |
| 10 | Sân thể dục thể thao | **0** | 0 | 4 |   |   |
| 11 | Nhà đa năng | **1** | 300 | 0 |   |   |
| **F** | **Khối phục vụ sinh hoạt** |   |   |   |   |   |
| 1 | Nhà bếp | 0 | 0 | 0 |   |   |
| 2 | Kho bếp | 0 | 0 | 0 |   |   |
| 3 | Nhà ăn | 1 | 105 | 1 |   |   |
| 4 | Nhà ở nội trú | 0 | 0 | 0 |   |   |
| 5 | Phòng quản lý học sinh | 0 | 0 | 0 |   |   |
| 6 | Phòng sinh hoạt chung | 0 | 0 | 0 |   |   |

**2. Các biện pháp thực hiện:**

 Tích cực đôn đốc nhà thầu thi công sớm hoàn thành dự án xây dựng, cải tạo trường đúng tiến độ.

Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật hiện có, bảo dưỡng, bảo quản cơ sở vật chất hạn chế hỏng hóc, sửa chữa.

***Người phụ trách: Phạm Thị Kim Tuyến – Phó hiệu trưởng***

**X. CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH, XÂY DỰNG TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA**

**1. Chỉ tiêu:**

- Mức 1:

 + Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;

 + Số lượng tiêu chí không đạt 0/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 2:

 + Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 10 %;

 + Số lượng tiêu chí không đạt 0/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 3:

 + Số lượng tiêu chí đạt 19/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;

 + Số lượng tiêu chí không đạt 0/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

Trường đạt kiểm định cấp độ 3 và Chuẩn quốc gia mức độ 2 vào cuối năm 2023.

**2. Biện pháp:**

Rà soát các điều kiện nhà trường theo 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí, 81 chỉ báo theo TT17/2020/TT-BGDĐT về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Từ đó phát huy, giữ gìn những tiêu chuẩn, tiêu chí đã đạt, khắc phục khó khăn để đạt toàn bộ các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định. Sắp xếp hệ thống minh chứng, bố trí cơ sở vật chất chuẩn bị đón đoàn kiểm tra công nhận trường chuẩn quốc gia của Sở GDĐT Hà Nội vào cuối năm 2023.

***Người phụ trách: Hoàng Thị Minh – Hiệu trưởng***

***Hoàng Thị Thu Hương – Thư kí hội đồng tự đánh giá***

**XI. THỰC HIỆN PHONG TRÀO “ NHÀ TRƯỜNG CHUNG TAY PHÁT TRIỂN- THẦY CÔ SẺ CHIA TRÁCH NHIỆM”**

**1. Chỉ tiêu :**

Trong năm học tổ chức 1 buổi chuyên đề và gặp gỡ giao lưu với trường Tiểu học Minh Khai A, quận Bắc Từ Liêm và Tiểu học Kim Thư, huyện Thanh Oai.

**2. Các biện pháp thực hiện :**

Xây dựng kế hoạch, thông tin kế hoạch tổ chức tới 2 trường kết nghĩa, bàn bạc thống nhất thời gian, địa điểm, thành phần, nội dung chuyên đề.

Sau khi thực hiện chuyên đề, tổ chức hội thảo rút kinh nghiệm, chia sẻ chuyên môn và các nội dung khác như công tác quản lý, công tác tổ chức các hoạt động giáo dục.

***Người phụ trách: Hoàng Thị Minh – Hiệu trưởng***

**XII. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

**1. Chỉ tiêu:**

100% giáo viên ứng dụng CNTT trong giảng dạy, gửi hồ sơ lên phần mềm quản lý hồ sơ sổ sách, biết khai thác bài giảng số trên trang https://taphuan.nxbgd.vn.

100% giáo viên tích cực khai thác sổ liên lạc điện tử EnetViet.

100% sách, báo, truyện được nhập lên thư viện số; 100% giáo viên, nhân viên biết sử dụng thư viện số.

100% CMHSbiết sử dụng và thường xuyên nhận thông tin qua EnetViet.

100% CMHS thực hiện tuyển sinh trực tuyến trên trang <https://tsdaucap.hanoi.gov.vn>

**2. Các biện pháp thực hiện:**

Tăng cường công tác tuyên truyền về chương trình chuyển đổi số để cán bộ, giáo viên, nhân viên thấy được ích lợi của CNTT và chương trình chuyển đổi số. Tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, CMHS về việc sử dụng các ứng dụng, các phần mềm tiện ích được cấp phép trong giáo dục.

Hàng tuần, giáo viên gửi lịch báo giảng và kế hoạch bài dạy lên hệ thống vào thứ năm, khối trưởng duyệt vào thứ sáu. BGH kiểm tra hàng tuần.

Người phụ trách : Phạm Thị Kim Tuyến – Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Kim Thanh – Nhân viên

**XIII. Giáo dục Stem và Giáo dục địa phương**

 **1. Chỉ tiêu:**

 Mỗi khối xây dựng 17 bài giảng lồng ghép giáo dục Stem trong năm học.

 **2. Các biện pháp thực hiện:**

 Tổ chức tập huấn phổ biến về giáo dục Stem, phân công các khối xây dựng kế hoạch bài giảng lồng ghép, báo cáo BGH. Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục Stem, triển khai thực hiện. BGH dự giờ giáo dục Stem, góp ý, rút kinh nghiệm cho giáo viên, biểu dương những giáo viên thực hiện tốt.

 ***Người phụ trách: Phạm Thị Kim Tuyến – Phó hiệu trưởng***

 **XIV.Công tác thư viện**

 **1.Chỉ tiêu:**

 Phấn đấu thư viện đạt mức độ 1 theo quy định tại TT 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

 **2.Các biện pháp thực hiện:**

 Nghiên cứu các quy định tại thông tư 16/2022, phổ biến với toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên. Rà soát các tiêu chí, sắp xếp, bổ sung sách, tài liệu, cơ sở vật chất, tổ chức các hoạt động thư viện đáp ứng yêu cầu của thông tư.

 Thành lập tổ công tác thư viện, tham mưu xây dựng thư viện theo các tiêu chí, tiêu chuẩn của thông tư 16/2022. BGH thường xuyên kiểm tra công tác thư viện, kịp thời đôn đốc các hoạt động thư viện đảm bảo yêu cầu đề ra.

 ***Người thực hiện: Phạm Thị Kim Tuyến – Phó hiệu trưởng***

 ***Lê Thị Huyền – nhân viên***

**XV. Kế hoạch công tác từng tháng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Tháng** | **Công việc** | **Người phụ trách** |
| Tháng 8/2023 | - Tổ chức hoạt động hè cho học sinh, giáo dục kĩ năng sống, tham gia các lạc bộ, hoạt động trải nghiệm- Chuẩn bị các điều kiện chuẩn bị đón học sinh lớp 1 tới trường và tổ chức khai giảng năm học mới.- Hs thi Giới thiệu Lịch sử địa phương- Phối hợp với Đoàn xã cho Hs tham gia Ngày hội Stem, tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường- Dự các buổi tập huấn chương trình sách giáo khoa mới đối với lớp 4.- Dự chuyên đề Giáo dục Stem cấp huyện- Tổ chức các chuyên đề chuyên môn- Hội đồng tự đánh giá rà soát, sắp xếp minh chứng kiểm định, hoàn thành báo cáo tự đánh giá nộp PGDĐT Thanh Oai, Sở GDĐT Hà Nội- Họp CMHS  | - CB,GV,NV- CB,GV,NV- Phạm Thị Kim Tuyến; Nguyễn Thị Thúy Hằng- BGH và gv dạy lớp 4- Phạm T Kim TuyếnHoàng Thị Minh và các tổ chuyên môn- Hội đồng tự đánh giá |
| Tháng 9/2023 | Tuần 1: - Tổ chức Lễ khai giảng năm học mới- Phân công chuyên môn, thời khóa biểu, ổn định nề nếp dạy học- XD kế hoạch năm học; Kế hoạch giáo dục- Hoàn thiện các hồ sơ liên kết, bán trú, thu chi- Tham dự chuyên đề: GDLS địa phương cấp thành phốTuần 2:- Bắt đầu chấm nề nếp lớp- Tuyên truyền hưởng ứng tháng ATGT- Tuyên truyền phòng dịch bệnh Sốt xuất huyết- Duyệt kế hoạch năm học với PGD Thanh Oai- Sinh hoạt chuyên môn tổ về giáo dục Stem, giao bài tập qua EnetVietTuần 3:- Triển khai nhiệm vụ năm học- Đăng kí thi đua- XD kế hoạch các mảng công tác- GV tuyên truyền để học sinh tham gia các cuộc thi trên mạng: Đấu trường toán học, Tiếng Anh trên mạng IoeTuần 4:- Dự giờ đột xuất 3 giáo viên- Dự các chuyên đề cấp huyện- Tổ chức Tết Trung thu cho học sinh- Tham gia chương trình: “Biến rác thải thành quỹ hỗ trợ học sinh khó khăn” do PGD Thanh Oai phối hợp với Hội LHPN tổ chức | -Phạm T Kim Tuyến- Hoàng Thị Minh- Hoàng Thị Minh- BGH- BGH và GV dạy lớp 4.- Nguyễn T Thúy Hằng- Nhân viên y tế- BGH- Các tổ chuyên môn- Hoàng Thị Minh- Hoàng Thị Minh- GV- BGH- BGH và GV- Ban đại diện CMHS và GVCN- BCH CĐ và Liên đội |
| Tháng 10/2023 |  Tuần 1:- Tổ chức hội nghị viên chức- Tự kiểm định chất lượng giáo dục; Rà soát các hộp minh chứng- Vòng sơ loại đấu trường toán học cấp trườngTuần 2:- Tự kiểm tra các tiêu chí trường học thân thiện- Tự kiểm tra phổ cập, cập nhật phần mềm.- XD kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích cho hs, chương trình y tế học đường, khám sức khỏe cho học sinh, vệ sinh an toàn thực phẩm.- Sinh hoạt chuyên môn khốiTuần 3: - Tự kiểm tra và đăng kí thư viện- Đăng kí các danh hiệu thi đua- Rà soát kết quả thi các cuộc thi trên mạng của học sinhTuần 4: - Dự giờ đột xuất 3 đến 5 giáo viên- Sinh hoạt chuyên môn khối- Tổ chức chuyên đề lớp 4 mời 2 trường kết nghĩa tới dự, giao lưu | - BGH + BCHCĐ- Hội đồng tự đánh giá- Nguyễn T Thúy Hằng- Phạm T Kim Tuyến- Phạm T Kim Tuyến- Phạm T Kim Tuyến- Các khối chuyên môn- Phạm T Kim Tuyến- Hoàng Thị Minh- Ng T Thúy Hằng, Phạm Thị Huệ- BGHCác khối chuyên môn- BGH và GV lớp 4 |
| Tháng 11/2023 | Tuần 1:- Thi GVG cấp trường- Kiểm tra hồ sơ giáo viên, nhân viênTuần 2:- Tổ chức các hoạt động thi đua chào mừng Ngày 20/11- Kiểm tra giữa kì 1 lớp 4,5.Tuần 3: Tổ chức mít tinh KN Ngày 20/11Tuần 4:- Dự giờ đột xuất 3 giáo viên- Triển khai chuyên đề tổ, khối | - Hội đồng thi GVG- BGH + GV,NV- BGH và GV- Hoàng Thị Minh- BGH + GV, NV- BGH- Các tổ, khối CM |
| Tháng 12/2023 | Tuần 1:- Duyệt PC với PGDTuần 2:- Tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa- Sinh hoạt chuyên môn khốiTuần 3:- Tham gia thi GVG cấp huyện lớp 3 và bộ mônTuần 4: - Dự giờ đột xuất 3 giáo viên- Kiểm tra học kì 1- Họp tổ bình xét thi đua kì 1 | - Phạm T Kim Tuyến, Ng T Kim Thanh- Ng T Thúy Hằng- Các khối CM- GV dự thi- BGH- CB,GV,NV- Các tổ CM |
| Tháng 1/2024 | Tuần 1: - Sơ kết học kì 1- Cập nhật dữ liệu ngànhTuần 2:- Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động GD- Ngày 11/1 kết thúc kì 1, ngày 12/1: nghỉ học kì, ngày 15/1 bắt đầu kì 2)- Nộp báo cáo kì 1 về PGDTuần 3: - Dự giờ đột xuất 3 giáo viênTuần 4:- Sinh hoạt chuyên môn khối | - CB,GV,NV- Ng Thị Kim Thanh- BGH- CB,GV,NV- BGH- BGH- Các khối CM |
| Tháng 2/2024 | Tuần 1: - Tổ chức các hoạt động kỉ niệm ngày 3/2, mừng Đảng, mừng xuân- Thi viết chữ đẹp cấp trường- Thi đấu trường Toán học cấp trườngTuần 2:- Nghỉ Tết Nguyên ĐánTuần 3:- Rà soát đề xuất mua sắm thiết bị dạy học lớp 5 năm học 2023-2024- Thi Olympic Tiếng Anh cấp trường; Tiếng Anh trên mạng Ioe cấp trườngTuần 4:- Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động GD | Nguyễn Thúy Hằng- Hoàng Thị Minh- Phạm T Kim Tuyến- CB,GV,NVPhạm T Kim T uyến- Phạm T Kim Tuyến- BGH |
| Tháng 3/2024 | Tuần 1: - Kiểm tra chuyên môn và các hoạt động giáo dục- Điều tra trẻ 6 tuổi trên địa bàn- Kỉ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3Tuần 2:- Tham gia giao lưu viết chữ đẹp cấp huyệnTuần 3:- Tham gia giao lưu Đấu trường toán học cấp huyện; Olympic Tiếng Anh cấp huyệnTuần 4: - Giao lưu Rung Chuông vàng cấp trường- Kiểm tra giữa kì 2 lớp 4,5.- Kỉ niệm Ngày Thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3 | - BGH- Phạm T Kim Tuyến- Vương T Hồng Mai- BGH, GV- Học sinh dự thi- BGH, GV- BGH, GV- BCH Chi đoàn |
| Tháng 4/2024 | Tuần 1:- Tham gia Giao lưu hs tiểu học cấp huyện- Thi Tiếng Anh Ioe cấp huyệnTuần 2:- Triển khai thu SKKN - Thu và chấm bài giảng Stem cấp trườngTuần 3:- PGD kiểm tra thư viện- Lựa chọn SGK lớp 5.- Rà soát trẻ 5 tuổi và học sinh lớp 5, đối chiếu phần mềm với các trường MN, THCS- XD kế hoạch tuyển sinh năm học tớiTuần 4: - Chấm SKKN- Tham gia thi bài giảng Stem cấp huyện- Tham gia Ngày hội Stem cấp huyện- Kỉ niệm ngày Giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước 30/4 | - Hs dự thi- Hs dự thi- Phạm T Kim Tuyến- Phạm Kim Tuyến, - Lê Thị Huyền- Hoàng Thị Minh- Phạm T Kim Tuyến- Phạm T Kim Tuyến- Hội đồng SKKN- GV có bài dự thi- GV và HS- Ng T Thúy Hằng |
| Tháng 5/2024 | Tuần 1: - Ôn tập củng cố kiến thức- Báo cáo chỉ tiêu về tuyển sinh với PGDTuần 2:- Kiểm tra hoạt động chuyên môn - Hoàn thiện cấp mã cho học sinh.Tuần 3:- Kiểm tra cuối kì 2- Tổ chức kỉ niệm Ngày sinh nhật Bác 19/5- Thư viện tổ chức quyên góp sáchTuần 4: - Hoàn thiện hồ sơ, tổng kết năm học- Nộp hồ sơ thi đua- Cập nhật CSDL cuối năm, báo cáo trên hệ thống | GV, HSPhạm T Kim TuyếnBGHBGH, GVBGH, GV,NV- Ng Thị Thúy Hằng- Lê Thị HuyềnBGH- Phạm T Kim Tuyến |
| Tháng 6/2024 | - Duyệt thi đua với PGD | - BGH |
| Tháng 7/2024 | - Tuyển sinh lớp 1- Bồi dưỡng GV- Tập huấn thay sách lớp 5- Hoạt động hè | - Ban tuyển sinh- BGH, GV- BGH, GV- Toàn trường |
| Tháng 8/2024 | - Rà soát, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị cho năm học mới- Điều tra phổ cập- Hoạt động hè- Chuẩn bị các điều kiện phục vụ khai giảng | - Hoàng Thị Minh- Phạm T Kim Tuyến- Phạm T Kim Tuyến- BGH, GV,NV |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** Phòng GDĐT*(để báo cáo)*
* Các tổ, đoàn thể *(để thực hiện)*
* Lưu VT ( Hương: 01 bản)
 | *Thanh Oai, ngày 5 tháng 9 năm 2023* |
|  HIỆU TRƯỞNG |
|  |

**Hoàng Thị Minh**

*Thanh Oai, ngày tháng năm 2023*

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**

####  KT.TRƯỞNG PHÒNG

 **PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

 **Nguyễn Thị Anh Đào**

1. [↑](#footnote-ref-1)